TOÀ ÁN NH DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 517/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 12 – 2024
"Về tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hiện

2. Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 637/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 483/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1973 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ.R, xã K.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Thanh D, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ.R, xã K.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 21/10/2024, bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và Huỳnh Thanh D xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2008, đến năm 2019, mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K.H, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, bà Ch cho rằng tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thường xuyên gây rỗ, cải vả, cuộc sống không còn hạnh phúc, từ đó mâu thuẫn kéo

dài mà không có cách khắc phục nên bà và ông D mỗi người sống một nơi đã hơn 01 năm nay. Do đó, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Thanh D.

- Về con chung: Bà Ch xác định giữa bà và ông D có 02 người con chung là Huỳnh Kim Ch1, sinh ngày 19/5/2009, hiện sống chung với bà Ch và Huỳnh Kim H, sinh ngày 26/3/2013, hiện đang sống chung với ông D. Khi ly hôn, bà Ch yêu cầu được tiếp tục nuôi hết 02 con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Ch xác định tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Bà Ch khai rằng giữa bà và ông D không có nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

* Đối với ông Huỳnh Thanh D vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Ch và ông Huỳnh Thanh D là tranh chấp về ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Huỳnh Thanh D: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia xét xử vụ án, thông qua việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng ông D vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của bà Nguyễn Thị Ch, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ch theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ch và ông Huỳnh Thanh D xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cải vã, gây rỗ, dẫn đến tình cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của ông bà, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cải vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, bà Ch và ông D sống ly thân hơn 01 năm để ông, bà tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho ông, bà có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình

trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, bà Ch cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì bà cũng không thể quay lại chung sống với ông D, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ch được ly hôn ông D là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Huỳnh Kim Ch1 hiện nay sống chung và đi làm thuê cùng bà Ch; cháu Huỳnh Kim H hiện nay sống chung với ông D và đi học. Nguyện vọng của cháu Ch1 và cháu H đều muốn tiếp tục chung sống với bà Ch. Vì vậy, tiếp tục giao cháu Ch1 và buộc ông D giao cháu H cho bà Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, bà Ch không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Ch xác định tự thỏa thuận nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Ch khai rằng giữa bà và ông D không có nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nH và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ch về việc ly hôn ông Huỳnh Thanh D.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Kim Ch1, sinh ngày 19/5/2009 và buộc ông Huỳnh Thanh D giao cháu Huỳnh Kim H, sinh ngày 26/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Huỳnh Thanh D không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000đ. Ngày 22 tháng 10 năm 2024, bà Ch đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 5763 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ch và ông Huỳnh Thanh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã K.H, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải